

Phụ lục số 01: **Thống kê thực trạng thôn của xã Xuân Thái, tỉnh Thanh Hóa**
(Kèm theo Đề án số: 02/ĐA-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Thái)

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ	Số khẩu	Diện tích (ha)	Số người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	Số đảng viên Chi bộ	Số thành viên Ban công tác Mặt trận	Số đoàn viên Chi đoàn Thanh niên	Số hội viên Chi hội Cựu chiến binh	Số hội viên Chi hội Nông dân	Số hội viên Chi hội Phụ nữ	Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố (nếu có)		Khu thể thao thôn, tổ dân phố (nếu có)		Khoảng cách từ khu dân cư của thôn đến khu dân cư của thôn, tổ dân phố khác gần nhất trong cùng xã, phường (liền cư)				Ghi chú
												Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Liên kề hoặc nhỏ hơn 0,5 km	Từ 0,5 - 1,5 km	Từ 1,5 - 2,5 km	Trên 2,5 km	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	Thôn Yên Khang	104	462	2.125,48	2	8	9	19	9	78	61		x	x		x				
2	Thôn Đồng Lườn	121	522	1.606,99	2	18	8	25	14	68	59		x	x		x				
3	Thôn Cây Nghia	136	592	1.527,94	2	10	9	27	13	89	53		x	x		x				
4	Thôn Ấp Cũ	84	379	912,14	2	8	7	14	8	43	40	x		x			x			
5	Thôn Làng Lúng	148	626	785,58	2	14	9	28	12	63	62		x	x		x				
6	Thôn Đồng Cốc	152	615	1.007,10	3	13	11	29	21	54	65		x	x			x			
7	Thôn Ba Bái	60	233	1.581,51	3	4	10	12	5	44	60	x	x	x		x				
8	Thôn Quảng Đại	80	333	1.317,95	3	9	11	18	9	57	58		x	x			x			
9	Thôn Yên Vinh	103	404	778,24	3	8	9	20	10	47	57		x	x		x				
10	Thôn Thanh Xuân	92	306	435,82	3	7	9	17	6	32	56	x	x	x		x				
	Tổng cộng	1.080	4.472	12.078,75	25	99	92	209	107	575	571	3	7	10	0	7	3	0	0	

Phụ lục số 02: **Thông kê số lượng người hoạt động không chuyên trách
và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn của xã Xuân Thái**
(Kèm theo Đề án số: 02/ĐA-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Thái)

TT	Chức danh	Số lượng	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Trình độ									Độ tuổi				Ghi chú
					Văn hoá			Chuyên môn			Lý luận chính trị			Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Từ 50 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi	
					Tiểu học	THCS	THPT	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc cao đẳng	Đại học hoặc sau đại học	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc sơ cấp	Cao cấp hoặc cử nhân					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	Tổng cộng	25	19	15	0	9	16	19	4	2	15	10	0	10	6	4	5	
I	Người hoạt động không chuyên trách	20	18	11	0	9	11	15	3	2	10	10	0	6	5	4	5	
1	Bí thư Chi bộ	10	10	3	0	5	5	7	2	1	5	5	0	2	2	1	5	
2	Trưởng thôn, tổ dân phố	9	7	7	0	3	6	7	1	1	5	4	0	4	3	2	0	
3	Trưởng ban Công tác Mặt trận	1	1	1	0	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	
II	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn	5	1	4	0	0	5	4	1	0	5	0	0	4	1	0	0	
1	Thôn, Tổ đội trưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Cô đỡ thôn, bản (ở 186 bản đặc biệt khó khăn)	5	1	4	0	0	5	4	1	0	5	0	0	4	1	0	0	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN THÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 03: Tổng hợp phương án sắp xếp thôn trên địa bàn của xã Xuân Thái, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Đề án số: 02/ĐA-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Thái)

TT	Sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố có tên, số hộ và diện tích dưới đây						Đề thành lập thôn, tổ dân phố mới			Thôn, tổ dân phố mới sử dụng, sửa chữa lại nhà văn hóa hiện nay hoặc phải xây dựng mới		
	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn, tổ dân phố	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên gọi mới	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Sử dụng lại hoặc sửa chữa, mở rộng	Xây mới	
											Diện tích (m2)	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Thôn Yên Khang	104	2.125,48	Thôn Đồng Lườn	121	1.606,99	Thôn Đồng Yên	225	3.732,47	x		
2	Thôn Cây Nghia	136	1.527,94	Thôn Ấp Cũ	84	912,14	Thôn Cây Nghia	220	2.440,08	x		
3	Thôn Làng Lúng	148	785,58	Thôn Đồng Cốc	152	1.007,10	Thôn Hồng Sơn	300	1.792,68	x		
4	Thôn Ba Bái	60	1.581,51	Thôn Quảng Đại	80	1.317,95	Thôn Quảng Đại	140	2.899,46	x		
5	Thôn Yên Vinh	103	778,24	Thôn Thanh Xuân	92	435,82	Thôn Xuân Vinh	195	1.214,06	x		

Phụ lục 04: Tổng hợp các thôn mới hình thành sau khi sắp xếp nhưng chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định
(Kèm theo Đề án số: 02/ĐA-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Thái)

TT	Thôn, tổ dân phố	Xã, phường	Số hộ	Diện tích (ha)	Nội dung giải trình
1	Thôn Đồng Yên	Xã Xuân Thái	225	3.732,47	- Thôn Đồng Yên: Được hình thành trên cơ sở sáp nhập 02 thôn liền kề gồm: thôn Yên Khang và thôn Đồng Lườn. Sau sắp xếp thôn Đồng Yên có tổng số hộ là 225 hộ, 984 người, diện tích 3.732,47 ha, (theo tiêu chí quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, thì còn thiếu 125 hộ). - Thôn có đặc thù là thôn miền núi cao 90m, khoảng cách từ đầu thôn đến cuối thôn là 8,3 km, thôn có yếu tố đặc thù về cộng đồng dân tộc Mường chiếm 81%. Thôn có diện tích lớn, địa hình phức tạp, nhiều đồi núi, vào mùa mưa bão thường xuyên xảy ra sạt lở đất tại dốc Cục và ngập lụt, chia cắt tại một số cụm dân cư; dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, sống theo vùng sản xuất..., nên ảnh hưởng rất lớn đến việc quản lý địa bàn thôn; do đó xã đề xuất không sáp nhập thêm các thôn khác với mục đích để đảm bảo việc quản lý địa bàn được thuận tiện.
2	Thôn Cây Nghĩa	Xã Xuân Thái	220	2.440,08	- Thôn Cây Nghĩa: Được hình thành trên cơ sở sáp nhập 02 thôn gồm: thôn Cây Nghĩa và thôn Ấp Cũ. Sau sắp xếp thôn Cây Nghĩa có 220 hộ, 971 người, diện tích 2.440,08 ha, là thôn có người dân miền xuôi di cư lên sinh sống chiếm tỷ lệ cao. (theo tiêu chí quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, thì còn thiếu 130 hộ). Thôn Cây Nghĩa có đặc thù là thôn miền núi cao 85m, khoảng cách từ đầu thôn đến cuối thôn là 6,8km; đường xá có độ dốc cao cạnh sườn núi do đó vào mùa mưa thường bị sạt lở dẫn đến chia cắt bởi khe suối, khoảng cách hộ dân xa nhất đến nhà văn hoá thôn là 3,5km, địa hình phức tạp, dân cư sinh sống rải rác không tập trung, nên ảnh hưởng rất lớn đến việc quản lý địa bàn của thôn sau khi sáp nhập; do đó xã đề xuất không sáp nhập thêm các thôn khác để đảm bảo quy mô dân số theo quy định.
3	Thôn Hồng Sơn	Xã Xuân Thái	300	1.792,68	- Thôn Hồng Sơn: Được hình thành trên cơ sở sáp nhập 02 thôn đặc biệt khó khăn gồm: thôn Làng Lúng và thôn Đồng Cốc, sau sắp xếp thôn Hồng Sơn có tổng số hộ dân là 300 hộ, 1.241 người, diện tích 1.792,68 ha. (theo tiêu chí quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, thì còn thiếu 50 hộ). - Thôn có đặc thù là thôn miền núi cao trên 78m, là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người Thái, Mường chiếm 80% dân số của thôn, địa hình phức tạp, một số cụm dân cư bị chia cắt khi vào mùa mưa do khe suối ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý địa bàn. Khoảng cách từ hộ dân ở đầu thôn đến cuối thôn là 6,7 km, dân cư sinh sống không tập trung, khoảng cách từ hộ dân gần nhất với thôn liền kề là 1,5km và bị chia cách bởi dốc Giang, do đó xã đề xuất không sáp nhập thêm các thôn khác để đảm bảo quy mô dân số theo quy định.

4	Thôn Quảng Đại	Xã Xuân Thái	140	2.899,46	- Thôn Quảng Đại. Được hình thành trên cơ sở sáp nhập 02 thôn đặc biệt khó khăn gồm: thôn Ba Bái và thôn Quảng Đại. Sau sắp xếp thôn Quảng Đại có 140 hộ, 566 người, diện tích 2.899,46 ha. (theo tiêu chí quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, thì còn thiếu 210 hộ). - Do các thôn sáp nhập là thôn có đặc thù là thôn miền núi cao 95m, là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người Thái chiếm 95% dân số của thôn, thôn thường bị cô lập, chia cắt với các thôn khác vào mùa mưa do các khe, suối ngăn cách (khe Ba Bái và khe Boọc Mây); dân cư sinh sống không tập trung, khoảng cách từ hộ dân từ đầu thôn đến cuối thôn hơn 7km, từ hộ dân xa nhất đến Nhà văn hoá thôn cách nhau 4,5 km, Từ nhà văn hoá thôn đến UBND xã là 12km, do đó xã đề xuất không sáp nhập thêm các thôn khác để đảm bảo quy mô dân số theo quy định.
5	Thôn Xuân Vinh	Xã Xuân Thái	195	1.214,06	- Thôn Xuân Vinh: Được hình thành trên cơ sở sáp nhập 02 thôn đặc biệt khó khăn liền kề nhau gồm: thôn Yên Vinh và thôn Thanh Xuân. Sau sắp xếp thôn Xuân Vinh có 195 hộ, 710 người, diện tích 1.214,06 ha. (theo tiêu chí quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, thì còn thiếu 155 hộ). - Thôn có đặc thù là thôn miền núi cao 95m, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người dân tộc Thái, Mường chiếm 80%, trong khi đó thôn Thanh Xuân lại giáp với xã Xuân Bình, khoảng cách từ đầu thôn đến cuối thôn là 8,5km, khoảng từ hộ xa nhất đến nhà văn thôn là 3,5km, từ Nhà văn hoá thôn đến UBND xã là 15km, địa hình phức tạp đường đi theo sườn núi nên vào mùa mưa thường xuyên bị sạt lở đất dẫn đến bị chia cắt, giữa thôn Xuân Vinh với thôn Quảng Đại nêu trên thường bị chia cắt bởi khe Boọc Mây; với diện tích rộng, dân cư thưa thớt sinh sống không tập trung, do đó xã đề xuất không sáp nhập thêm các thôn khác để đảm bảo quy mô dân số theo quy định.

Phụ lục 05: Tổng hợp số thôn, tổ dân phố có diện tích trên 1.000 ha.
(Kèm theo Đề án số: 02/ĐA-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Thái)

TT	Thôn, tổ dân phố	Xã, phường	Diện tích	Nội dung giải trình
1	Thôn Đồng Yên	Xã Xuân Thái	3.732,47	- Thôn Đồng Yên được thành lập trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng quy mô dân số và diện tích tự nhiên của 2 thôn liền kề gồm thôn Yên Khang và thôn Đồng Lườn, để hình thành thôn mới có diện tích tự nhiên là 3.732,47 ha, trong đó đất phi nông nghiệp là 246,80ha, đất canh tác là 49,22 ha, đất rừng là 3.431,33 ha, còn lại 5,12 ha là đất chưa sử dụng. - Do là thôn miền núi nên nguồn thu, kinh tế của người dân chủ yếu là làm nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi do vậy diện tích lớn là thuận lợi, với đặc thù là thôn miền núi nên diện tích quy mô từ 1.000 ha trở lên là phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, phồn tục và tập quán canh tác sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng dân cư, giao thông đi lại thuận tiện, không bị chia cắt thôn về mùa mưa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ không chuyên trách , người trực tiếp làm việc tại thôn cũng thuận lợi và hiệu quả hơn.
2	Thôn Cây Nghĩa	Xã Xuân Thái	2.440,08	- Thôn Cây Nghĩa được thành lập trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng quy mô dân số và diện tích tự nhiên của 2 thôn liền kề gồm thôn Cây Nghĩa và Ấp Cũ, để thành thôn mới có diện tích tự nhiên là 2.440,08 ha, trong đó đất phi nông nghiệp là 323,30 ha, đất canh tác là 52,26 ha, đất rừng là 2.060,72 ha, còn lại 3,80 ha là đất chưa sử dụng, - Do là thôn miền núi nên nguồn thu, kinh tế của người dân chủ yếu là làm nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi do vậy diện tích lớn là thuận lợi, với đặc thù là thôn miền núi nên diện tích quy mô từ 1.000 ha trở lên là phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, phồn tục và tập quán canh tác sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng dân cư, giao thông đi lại thuận tiện, không bị chia cắt thôn về mùa mưa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ không chuyên trách , người trực tiếp làm việc tại thôn cũng thuận lợi và hiệu quả hơn.

3	Thôn Hồng Sơn	Xã Xuân Thái	1.792,68	- Thôn Hồng Sơn được thành lập trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng quy mô dân số và diện tích tự nhiên của 2 thôn liền kề gồm thôn Làng Lúng và thôn Đồng Cốc, để thành thôn mới có diện tích tự nhiên là 1.792,68 ha, trong đó đất phi nông nghiệp là 255,10 ha, đất canh tác là 49,73 ha, đất rừng là 1.478,95 ha, còn lại 8,90 ha là đất chưa sử dụng. - Do là thôn miền núi nên nguồn thu, kinh tế của người dân chủ yếu là làm nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi do vậy diện tích lớn là thuận lợi, với đặc thù là thôn miền núi nên diện tích quy mô từ 1.000 ha trở lên là phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, phồn tục và tập quán canh tác sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng dân cư, giao thông đi lại thuận tiện, không bị chia cắt thôn về mùa mưa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ không chuyên trách, người trực tiếp làm việc tại thôn cũng thuận lợi và hiệu quả hơn.
4	Thôn Quảng Đại	Xã Xuân Thái	2.899,46	- Thôn Quảng Đại được thành lập trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng quy mô dân số và diện tích tự nhiên của 2 thôn liền kề gồm thôn Ba Bái và thôn Quảng Đại, để thành thôn mới có diện tích tự nhiên là 2.899,46 ha, trong đó đất phi nông nghiệp là 265,30 ha, đất canh tác là 23,48 ha, đất rừng là 2.603,58 ha, còn lại 7,10 ha là đất chưa sử dụng. - Do là thôn miền núi nên nguồn thu, kinh tế của người dân chủ yếu là làm nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi do vậy diện tích lớn là thuận lợi, với đặc thù là thôn miền núi nên diện tích quy mô từ 1.000 ha trở lên là phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, phồn tục và tập quán canh tác sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng dân cư, giao thông đi lại thuận tiện, không bị chia cắt thôn về mùa mưa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ không chuyên trách, người trực tiếp làm việc tại thôn cũng thuận lợi và hiệu quả hơn.
5	Thôn Xuân Vinh	Xã Xuân Thái	1.214,06	- Thôn Xuân Vinh được thành lập trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng quy mô dân số và diện tích tự nhiên của 2 thôn liền kề gồm thôn Yên Vinh và Thanh Xuân, để thành thôn có diện tích tự nhiên là 1.214,06 ha, trong đó đất phi nông nghiệp là 209,50 ha, đất canh tác là 136,86 ha, đất rừng là 859,10 ha, còn lại 8,60 ha là đất chưa sử dụng. - Do là thôn miền núi nên nguồn thu, kinh tế của người dân chủ yếu là làm nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi do vậy diện tích lớn là thuận lợi, với đặc thù là thôn miền núi nên diện tích quy mô từ 1.000 ha trở lên là phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, phồn tục và tập quán canh tác sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng dân cư, giao thông đi lại thuận tiện, không bị chia cắt thôn về mùa mưa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ không chuyên trách, người trực tiếp làm việc tại thôn cũng thuận lợi và hiệu quả hơn.